

Số: /QĐ-UBND Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông, thủ tục hành chính không liên thông cấp xã, cấp tỉnh trong các lĩnh vực: Chăn nuôi; Thú y; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Môi trường; Đất đai; Biến đổi khí hậu; Thủy lợi; Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết 33 thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 986/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 7 năm 2026; Tờ trình số 994/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 7 năm 2026; Tờ trình số 1045/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 10 thủ tục hành chính liên thông: bao gồm 09 thủ tục hành chính liên thông cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính liên thông cấp xã; 46 thủ tục hành chính không liên thông, gồm: 42 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh và 4 thủ tục hành chính không liên thông cấp xã trong các lĩnh vực: Chăn nuôi; Thú y; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Môi trường; Đất đai; Biến đổi khí hậu; Thủy lợi; Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung các Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025; Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025; Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Môi trường; Đất đai; thủy lợi; quản lý đê điều và phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, P.HC-TC, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG, 46 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP XÃ, CẤP TỈNH TRONG CÁC LĨNH VỰC: CHĂN NUÔI, THÚ Y, TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN, MÔI TRƯỜNG, ĐẤT ĐAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; THỦY LỢI, QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (42 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I.LĨNH VỰC THÚ Y (23 TTHC)							
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y 1.004756	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	1.1. Trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề thú y				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,75 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
			1.2. Trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng nuôi trồng thủy sản) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng <i>nuôi trồng thủy sản</i> phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo <i>Phòng nuôi trồng thủy sản</i> thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,75 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	
2	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y 2.001064	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	2.1. Trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc;	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,75 ngày làm	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	việc		
			2.2. Trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng nuôi trồng thủy sản) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng <i>nuôi trồng thủy sản</i> phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo <i>Phòng nuôi trồng thủy sản</i> thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,75 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	3.1. Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý:	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,75 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	hông; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) 1.005319			0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	trường ký duyệt: 0,75 ngày làm việc		
			3.2. Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (<i>Phòng nuôi trồng thủy sản</i>) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng <i>nuôi trồng thủy sản</i> phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo <i>Phòng nuôi trồng thủy sản</i> thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc; 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,75 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều	04 ngày	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (<i>Phòng Thú y</i>) tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc, cụ	Lãnh đạo Sở ký	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) 1.002549	làm việc		thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 2,5 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	duyet: 0,5 ngày làm việc		UBND ngày 17/6/2026
5	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	07 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 06 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 05 ngày làm	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	1.014777			việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký 1.002432	3,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 1,5 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y 1.002409	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 2,5 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026
8	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y 1.014778	07 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 06 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở,	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 05 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký 1.002373	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 1,25 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
10	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y 1.014779	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	10.1 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 06 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 05 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			10.2 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 06 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 05 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng NTTS xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y 1.001686	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	11.1 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 2,25 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
			11.2 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 2,25 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng NTTS xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	12.1 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 2,5 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Sở ký duyet:	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính 1.004839	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 1,75 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc		
			12.2 Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y dùng cho thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 1,75 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng NTTS xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) 1.013809	Trường hợp cấp mới: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở (trường hợp cấp mới), thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 2,5 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
		Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, thẩm định.	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		thuộc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 01 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
14	Cấp lại Giấy		0,25 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y)	Lãnh đạo	Văn thư Sở	Quyết định số

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) 1.013811	3,25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	làm việc	tiếp nhận, giải quyết: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 02 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,125 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
15	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 06 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 05 ngày làm việc;	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	xin) 1.013813			2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
16	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất 1.011325	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 04 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 03 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh	Trong thời hạn 7 ngày kể từ	17.1. Đối với cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày
			0,5 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 5,5 ngày, cụ thể:	Lãnh đạo Sở Nông	0,5 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) 1.011475	ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục CNTY thông qua dự thảo kết quả : 0,25 ngày	ngành và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày		17/6/2026
			17.2. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản				
			0,5 ngày	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 5,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng NTTS thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày	0,5 ngày	
18	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động	10 ngày	18.1. Đối với cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 7,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày;	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký	0,25 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) 1.011475			3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 01 ngày	duyet: 02 ngày		
			18.2. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản				
			0,25 ngày	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 7,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 6 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng NTTS thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 01 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 02 ngày	0,25 ngày	
19	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ	Trong thời hạn 8,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	19.1. Đối với vùng chăn nuôi động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
			0,25 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 5,75 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 01 ngày	0,25 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	xuất khẩu)			thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày			
	1.011478		19.2. Đối với vùng nuôi trồng thủy sản				
			0,25 ngày	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 7 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 5,75 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng NTTS thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 01 ngày	0,25 ngày	
20	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	20.1. Đối với vùng chăn nuôi động vật trên cạn				Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
	1.011479		0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyet: 0,75 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			20.2. Đối với vùng nuôi trồng thủy sản				
			0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng NTTS) tiếp nhận, giải quyết: 1.25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng NTTS phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng NTTS thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua dự thảo kết quả: 0.25 ngày	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0.75 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	
21	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) 2.001872	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 10,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 08 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				lãnh đạo Chi cục: 01 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 01 ngày làm việc.			
22	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuộc thú y (GMP) 1.003026	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 10,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá thực tế cơ sở, thẩm định. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 08 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 01 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 01 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyet: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026
23	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 04 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Sở ký duyet: 0,5	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	thuộc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký) 1.002992	sơ		2.1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2.2. Chuyên viên kiểm tra, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Phòng: 03 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Thú y xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chi cục: 0,5 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc.	ngày làm việc		17/6/2026

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (10 TTHC)

24	Nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
-----------	--	---	--------------------	---	--	--------------------	---

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu 1.011033			việc.			
25	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi 1.011030	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 7,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm: 6,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 02 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 7,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	thải chăn nuôi 1.011031	nhận được hồ sơ hợp lệ.		thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm: 6,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc	việc		
27	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường 1.008122	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,125 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyet: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều	Trong thời hạn 11 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 9,5 ngày làm	Lãnh đạo Sở ký	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn 1.008128	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.		việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 8,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc	duyet: 01 ngày làm việc		UBND ngày 17/6/2026
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của	29.1 Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung:					Quyết định số 2622/QĐ- UBND ngày 17/6/2026
		Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 9,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 8,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyet: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
nước nhập khẩu)	1.008126	29.2 Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:					
		+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi:					
		Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	0,25 ngày 1 àm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
		+ Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi					
		Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 9,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 8,5 ngày làm	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,25 ngày làm việc			
30	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học triển lãm, quảng cáo 3.000125	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 10,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
31	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý,	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Chăn nuôi) tiếp nhận, giải quyết: 10,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 04 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	hiểm của Việt Nam cho bên thứ ba 1.014948	hợp lệ		thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi Thú y thông qua dự thảo kết quả: 0,5 ngày làm việc	việc		
III. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (08 TTHC)							
32	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính 1.008003	17,5 ngày làm việc	1.1. Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 09/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ: 16 ngày làm việc , giải quyết cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 15 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			1.2. Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng				
		3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ: 02 ngày làm việc , giải quyết cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
33	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	3,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ: 2,5 ngày làm việc , giải quyết cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,125 ngày làm	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	1.012072			việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,125 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,125 ngày làm việc.			
34	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ 1.012071	3,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ: 2,5 ngày làm việc , giải quyết cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,125 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,125 ngày làm việc.			
35	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>) giải quyết hồ sơ: 4,25 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyet thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 685/QĐ- UBND ngày 13/02/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	giống cây trồng) 1.007999						
36	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 1.010090	8,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ: 7,5 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,125 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,125 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
37	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	02 ngày làm việc	6.1. Đối với trường hợp cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói				Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
			0,125 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) giải quyết hồ sơ, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công giải quyết: 0,25 ngày làm	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
1.014776				việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 0,625 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt duyệt thông qua: 0,125 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
			6.2. Đối với trường hợp cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói				
				Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>) giải quyết hồ sơ, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 0,75 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Trồng trọt thuộc Chi cục duyet thông qua: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,125 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.			
IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (02 TTHC)							
38	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường 1.003814	03 ngày làm việc	7.1. Đối với nhóm sản phẩm động vật trên cạn tươi, sống, ướp lạnh dùng làm thực phẩm				Quyết định số 2455/QĐ-UBND, 05/6/2026
			0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>) giải quyết hồ sơ: 02 ngày làm việc, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Thú y duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
		03 ngày làm việc	7.2. Đối với nhóm sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm				
			0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>) giải quyết hồ	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				sơ: 02 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	quả: 0,5 ngày làm việc		
			7.3. Đối với nhóm sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm; sản phẩm động vật trên cạn đông lạnh dùng làm thực phẩm				
		03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</i>) giải quyết hồ sơ: 02 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh		
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)			
				công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.					
39	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường 2.001604	07 ngày làm việc	8.1. Đối với nhóm sản phẩm động vật trên cạn tươi, sống, ướp lạnh dùng làm thực phẩm Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>) giải quyết hồ sơ: 06 ngày làm việc, cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Thú y duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.				Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2455/QĐ-UBND, 05/6/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		07 ngày làm việc	8.2. Đối với nhóm sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm				
			0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>) giải quyết hồ sơ: 06 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			8.3. Đối với nhóm sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm; sản phẩm động vật trên cạn đông lạnh dùng làm thực phẩm				
			0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</i>) giải quyết: 06 ngày làm việc , cụ thể: 3.1. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2:Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				làm việc. 3.2. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 3.3. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 3.4. Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng duyệt thông qua: 0,25 ngày làm việc. 3.5. Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông qua kết quả trình Sở: 0,25 ngày làm việc.	việc		
V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							
40	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon 1.014129	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn) giải quyết hồ sơ: 04 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 3,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 24/7/2026
41	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	02 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn) giải quyết hồ sơ: 1,25 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 0,25	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 24/7/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư Sở (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	2.002848			tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,75 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	ngày làm việc		
42	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon 2.002849	07 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn) giải quyết hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1 Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 24/7/2026
Tổng cộng: 42 TTHC							

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP XÃ (04 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3)Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã)	
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01 TTHC)								
1	-	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. 1.115367	20 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: giải quyết hồ sơ: 17,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị : Phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên (phụ trách đất đai): 17,25 ngày làm việc. - Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định; - Dự thảo Tờ trình, Văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND cấp xã, trình Lãnh đạo phòng, trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định.	Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt: 02 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 29/6/2026
LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)								
2	STT 05-II- Mục I- B- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với Phường) tiếp nhận, giải quyết: 04 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3)Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã)	
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01 TTHC)								
	21/7/2025	phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội 1.010091			ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc;			
LĨNH VỰC THỦY LỢI (02 TTHC)								
3	STT 03-II- Mục III- Quyết định số 2130/QĐ- UBND ngày 08/10/2025	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	10 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với Phường) tiếp nhận, giải quyết: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 7,25 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 821/QĐ- UBND, ngày 06/3/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3)Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã)	
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01 TTHC)								
		1.003446						
4	STT 02-II-Mục III- Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã 1.003440	8,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với Phường) tiếp nhận, giải quyết: 07 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 5,75 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 821/QĐ-UBND, ngày 06/3/2026
Tổng cộng: 04 TTHC								

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
-----	---	------------------------	---	---	------------------------------------	---

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)						
1	STT 01-III- Mục I- B-Quyết định số 819/QĐ- UBND ngày 21/7/2025	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã/phường: Tiếp nhận hồ sơ	Quyết định số 2369/QĐ- UBND ngày 01/6/2026
				3 ngày làm việc	Bước 2. UBND cấp xã, phường tiếp nhận, giải quyết: 2.1. Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,75 ngày làm việc; 2.3. Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc; 2.4. Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt: 0,5 ngày làm việc; 2.5. Văn thư vào sổ, gửi văn bản đến UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
				0,75 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định trợ cấp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã: 0,5 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến UBND cấp xã nơi tiếp nhận: 0,25 ngày làm việc	
Tổng cộng: 01 TTHC						

IV. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (09 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)						
1	STT 3 –A – Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 10/01/2026	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) 1.010733	Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 20 ngày hoặc 10 ngày	1.1. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 20 ngày		Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
				0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường)	
				19,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 13 ngày. 2.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả:	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					02 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở ký thông báo kết quả thẩm định: 03 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ dự án: 01 ngày. Ghi chú: Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ (thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)	
					1.2. Đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công: 10 ngày	
				0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường)	
				9,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày. 2.3 Lãnh đạo Sở phê duyệt danh sách chuyên gia: 0,5 ngày 2.4 Gửi văn bản, hồ sơ để lấy ý kiến chuyên gia: 0,5 ngày 2.5. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.6. Lãnh đạo Sở ký thông báo kết quả thẩm định: 01 ngày. 2.7. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ dự án: 0,5 ngày. Ghi chú: Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					<i>nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ (thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>	
			Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 15 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường)	
				11 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) phê duyệt hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày 2.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 01 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				3,5 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 03 ngày. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày	
2	STT 9-II-III - A- Quyết định số 819/QĐ- UBND	Cấp điều chỉnh giấy phép môi	7,5 ngày	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường)	Quyết định số 905/QĐ- UBND ngày

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	ngày 21/7/2025	trường (cấp tỉnh) 1.010729		04 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày. 2.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản: 0,5 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ dự án: 0,5 ngày (Thời gian Tổ chức/ cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nộp lại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép)	13/3/2026
				02 ngày	Bước 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) tổng hợp, giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên được phân công thụ lý hồ sơ tổng hợp, giải quyết: 01 ngày. 3.2. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày. 3.3. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày. 3.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh (chuyển qua Bước 4) hoặc văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân trong trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu (quay lại Bước 3.1): 0,25 ngày. (Thời gian Tổ chức/ cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nộp lại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh không tính vào	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					<i>thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép)</i>	
				1,25 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 4.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 01 ngày làm việc. 4.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (04 TTHC)						
3	-	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước 1.014136	62 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 09/6/2026
				55,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày 2.2. Chuyên viên giải quyết: 53,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày	
				06 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 5,5 ngày. 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày	
4	-	Thay đổi	10 ngày	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		thành phần tham gia dự án 1.014131			hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	2502/QĐ-UBND ngày 09/6/2026
				6,75 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày 2.2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày	
				03 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 2,5 ngày 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày.	
5	-	Hủy đăng ký dự án 1.014132	30 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 09/6/2026
				25 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày 2.2. Chuyên viên giải quyết: 23 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				4,5 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 04 ngày 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày.	
6	-	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước 1.014133	36 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 09/6/2026
				30,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,25 ngày 2.2. Chuyên viên giải quyết: 28,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày	
				05 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 4,5 ngày 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày.	
LĨNH VỰC THỦY LỢI (02 TTHC)						
7	STT 14-I- Mục II- A-Quyết định số 819/QĐ-	Phê duyệt phương án ứng phó với	06 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc 05 ngày làm	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi)	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	UBND ngày 21/7/2025	tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh 1.003203		việc 0,75 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc 2.2. Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.4. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 0,5 ngày làm việc 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc	06/3/2026
8	STT 13-I- Mục II- A-Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc	06 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc 05 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc 2.2. Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.4. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 06/3/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh 1.003211			UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
				0,75 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 0,5 ngày làm việc 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)						
9	STT 02-I- Mục I- A-Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1.013644	8,75 ngày	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi)	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026
				7,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Chuyên viên Phòng phòng, chống thiên tai giải quyết: 6,5 ngày 2.2. Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi thông qua kết quả: 0,25 ngày 2.3. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 0,5 ngày 2.4. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày	
				01 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 0,75 ngày 3.2. Văn thư vào sổ chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày	
Tổng cộng: 09 TTHC						